

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 41

CÔNG TY: CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG
 Địa chỉ: 722 ĐIỆN BIÊN PHỦ, P. 22, Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
 Tel: Fax:

Báo cáo tài chính
 Quý IV năm tài chính 2020

Mẫu số

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN			
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	493.033.190.895	471.937.795.807
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	39.051.493.433	33.444.057.746
1. Tiền	111	26.551.493.433	29.944.057.746
2. Các khoản tương đương tiền	112	12.500.000.000	3.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	387.074.314.242	372.744.976.082
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	365.320.920.552	348.562.864.263
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9.370.380.577	5.314.655.839
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	26.913.119.453	22.076.734.624
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(14.530.106.340)	(3.209.278.644)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	61.189.624.335	62.170.240.985
1. Hàng tồn kho	141	61.189.624.335	62.170.240.985
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.717.758.885	3.578.520.994
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.214.355.773	3.578.520.994
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	1.503.403.112	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.047.553.313.304	1.228.564.520.839
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	547.800.000	13.343.555.621
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	8.065.251.485
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	547.800.000	5.278.304.136
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	707.945.944.373	872.814.153.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	707.022.723.410	871.515.156.090
- Nguyên giá	222	1.979.825.279.028	1.963.894.955.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(1.272.802.555.618)	(1.092.379.799.355)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	923.220.963	1.275.664.239
- Nguyên giá	225	1.762.216.362	1.762.216.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(838.995.399)	(486.552.123)
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	23.333.343
- Nguyên giá	228	448.600.000	448.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(448.600.000)	(425.266.657)

III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	4.642.983.158	4.642.983.158
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.642.983.158	4.642.983.158
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	301.473.200.000	301.473.200.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	145.022.400.000	145.022.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	156.450.800.000	156.450.800.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	32.943.385.773	36.290.628.388
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	32.943.385.773	36.290.628.388
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
5. Lợi thế thương mại	269	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.540.586.504.199	1.700.502.316.646
NGUỒN VỐN	-	-	-
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	873.152.557.042	1.080.055.568.463
I. Nợ ngắn hạn	310	438.345.214.231	492.684.609.152
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	83.807.401.909	170.078.736.180
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.389.036.500	10.260.923.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	15.241.677.207	11.118.250.491
4. Phải trả người lao động	314	4.613.740.489	7.155.201.054
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	101.434.896.244	48.364.360.045
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	268.076.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	24.631.601.014	32.291.292.917
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	197.245.332.034	205.966.876.517
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	8.981.528.834	7.180.892.948
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II. Nợ dài hạn	330	434.807.342.811	587.370.959.311
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	23.700.000	100.023.700.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	434.783.642.811	487.347.259.311
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	667.433.947.157	620.446.748.183
I. Vốn chủ sở hữu	410	667.433.947.157	620.446.748.183
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	265.000.000.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	265.000.000.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-

2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		203.020.614.134	167.248.479.713
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.872.565.779	26.872.565.779
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		172.540.767.244	161.325.702.691
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48.506.107.780	42.085.254.621
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		124.034.659.464	119.240.448.070
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.540.586.504.199	1.700.502.316.646

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Tp. HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2021

kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Quang Tiến



GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc

CÔNG TY: CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HCM

Tel: Fax:

Báo cáo tài chính

Quý 04 năm tài chính 2020

Mẫu số

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		196.027.632.625	264.955.338.184	951.838.108.349	900.395.892.774
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		196.027.632.625	264.955.338.184	951.838.108.349	900.395.892.774
11	4. Giá vốn hàng bán		147.162.577.711	208.266.882.395	722.159.682.208	668.957.076.970
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		48.865.054.914	56.688.455.789	229.678.426.141	231.438.815.804
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		16.974.672.342	14.492.880.810	18.994.395.474	15.176.750.950
22	7. Chi phí tài chính		13.603.259.627	20.201.525.431	61.993.495.557	69.113.609.194
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		13.445.574.433	19.593.842.410	61.581.066.891	67.965.090.056
24	8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-
25	9. Chi phí bán hàng		47.623.451	1.702.934.264	989.949.476	1.702.934.264
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		22.203.166.564	19.714.741.499	51.554.302.755	52.178.140.627
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22) + 23)		29.985.677.614	29.562.135.405	134.135.073.827	123.620.882.569
31	12. Thu nhập khác		209.519.269	280.887.091	4.453.547.908	1.986.621.854
32	13. Chi phí khác		39.322.436	(1.135.813.715)	991.547.833	98.953.320
40	14. Lợi nhuận khác (40=31-32)		170.196.833	1.416.700.806	3.462.000.075	1.887.668.534
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		30.155.874.447	30.978.836.211	137.597.073.902	125.508.551.103
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		1.973.000.000	2.492.103.033	13.562.414.437	6.268.103.033
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		28.182.874.447	28.486.733.178	124.034.659.465	119.240.448.070
61	19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ		-	-	-	-
62	20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát		-	-	-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)		-	-	-	-
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		-	-	-	-

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Tp. HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Giám đốc



CÔNG TY: CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG
 Địa chỉ: 722 ĐIỆN BIÊN PHỦ, P.22, Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
 Tel: Fax:

Báo cáo tài chính
 Quý 04 năm tài chính 2020

Mẫu số

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		137.597.073.902	125.508.551.103
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		180.857.292.895	215.584.957.907
- Các khoản dự phòng	03		11.320.827.696	3.209.278.644
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	73.801.238
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		31.639.987	(13.714.139.693)
- Chi phí lãi vay	06		61.581.066.891	67.965.090.056
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		391.387.901.371	398.627.539.255
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.357.813.348)	104.490.165.347
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		980.616.650	(42.763.495.615)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(73.790.105.566)	(94.555.937.514)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.711.407.836	(27.995.787.824)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(69.151.589.346)	(63.518.724.295)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.990.380.361)	(5.981.368.530)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.508.217.883)	(11.425.332.863)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		219.281.819.353	256.877.057.961
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.020.723.583)	(109.340.616.421)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.374.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(90.000.000.000)	(56.450.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	5.700.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(106.020.723.583)	(153.217.416.421)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		393.356.076.201	329.204.428.636
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(454.641.237.184)	(418.396.041.692)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.102.537.796)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đầu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51%	51%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	60%	60%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54%	54%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Công ty liên kết này đang trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng dự án cảng Đức Long tại xã Châu Phong và xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư thực hiện dự án 243.269.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 280 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 234 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa tài sản; chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ; chi phí duy tu cảng, đường bãi container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là 5 - 6 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	30.074.368	72.374.075
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.521.419.065	29.871.683.671
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>) ^(*)	12.500.000.000	3.500.000.000
Cộng	<u>39.051.493.433</u>	<u>33.444.057.746</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng BIDV: 4.000.000.000 VND, Ngân hàng TMCP Quân Đội: 5.000.000.000 VND, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số tiền 3.500.000.000 VND.

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con	145.022.400.000		145.022.400.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng ⁽ⁱ⁾	51.000.000.000		51.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang ⁽ⁱⁱ⁾	30.000.000.000		30.000.000.000	
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc ⁽ⁱⁱⁱ⁾	64.022.400.000		64.022.400.000	
Đầu tư vào công ty liên kết	156.450.800.000		156.450.800.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ^(iv)	156.450.800.000		156.450.800.000	
Cộng	<u>301.473.200.000</u>		<u>301.473.200.000</u>	

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313161911 ngày 26 tháng 9 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng 51.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1702075079 ngày 5 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang 30.000.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314870156 ngày 30 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc 64.022.400.000 VND, tương đương 54% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

(iv) Công ty đã mua 5.046.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ (tên gọi cũ Công ty Cổ phần IDC Quế Võ) từ 01 cá nhân với giá mua là 156.450.800.000 VND (31.000 VND/cổ phần), mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.046.800 cổ phiếu, tương đương 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng, Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc và Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	137.561.676.793	104.551.501.879
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (*)	82.804.773.327	54.927.135.133
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	12.828.603.347	13.032.366.746
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Tân Cảng	8.017.903.226	13.600.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	16.500.000.000	12.700.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui	-	5.600.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	92.400.000	792.000.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc	17.317.996.893	3.900.000.000
Phải thu các khách hàng khác	227.759.243.759	244.011.362.384
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	42.421.987.829	97.689.049.515
Công ty TNHH Một thành viên Linh Ngọc Ngân	6.418.557.288	6.418.557.288
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu	3.344.468.750	18.668.588.166
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	-	40.330.947.782
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU DỊCH VỤ DẦU KHÍ HD MARINE	12.190.202.710	-
Công Ty CP Dịch Vụ Lắp Đặt, Vận Hành Và Bảo Dưỡng Công Trình Dầu Khí Biển PTSC.	78.213.079.278	-
Các khách hàng khác	85.170.947.904	80.904.219.633
Cộng	365.320.920.552	348.562.864.263

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Khoản phải thu đầu năm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng (bên liên quan) về phí cung cấp dịch vụ quản lý tàu. Theo phụ lục số 01/TCO-TCOTS ngày 02 tháng 01 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2020, Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng đồng ý gia hạn thanh toán khoản nợ đến hạn 31/12/2019 qua quý I năm 2021 đã thu hồi trong năm.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	9.370.380.577	5.314.655.839
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	-	2.603.481.100
Tổng Công Ty Ba Sơn - Công ty TNHH MTV	4.577.919.280	-
Các nhà cung cấp khác	<u>4.792.461.297</u>	<u>2.711.174.739</u>
Cộng	<u>9.370.380.577</u>	<u>5.314.655.839</u>

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	18.364.585.026		17.543.587.407	
Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc - Cổ tức được chia	9.603.360.000	-	6.402.240.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du Lịch Biển Tân Cảng	8.761.225.026	-	11.141.347.407	-
+ Phải thu về cho thuê tàu	-	-	-	-
+ Cổ tức được chia	8.761.225.026	-	9.600.000.000	-
+ Phải thu khác	-	-	1.541.347.407	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.548.534.427		4.533.147.217	
Các khoản ký quỹ	868.717.300	-	820.217.300	-
Tạm ứng	7.261.513.720	-	2.422.321.324	-
Phải thu tiền hỗ trợ nhân viên	-	-	1.055.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	418.303.407	-	235.608.593	-
Cộng	<u>26.913.119.453</u>	<u>-</u>	<u>22.076.734.624</u>	<u>-</u>

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

Là khoản phải thu tiền bán hàng Công ty TNHH Một thành viên Linh Ngọc Ngân quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 50%

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	14.53.106.340	3.209.278.644
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>14.53.106.340</u>	<u>3.209.278.644</u>

7. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	794.641.235	2.172.373.894
Chi phí sửa chữa tài sản	3.419.714.538	1.406.147.100
Cộng	<u>4.214.355.773</u>	<u>3.578.520.994</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	66.933.340
Chi phí bảo hiểm	-	-
Chi phí sửa chữa tàu	20.165.934.207	24.897.975.670
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	12.682.322.286	11.037.941.753
Chi phí đăng kiểm	95.129.280	190.258.560
Chi phí sửa chữa khác	-	97.519.065
Cộng	<u>32.943.385.773</u>	<u>36.290.628.388</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIẾN TÁN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	416.008.714.510	985.310.359.041	550.648.875.534	10.677.022.469	1.249.983.891	1.963.894.955.445
Mua sắm mới	-	3.250.520.000	12.581.203.583	189.000.000	-	16.020.723.583
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	-	-	-	(90.400.000)	(90.400.000)
Số cuối năm	416.008.714.510	988.560.879.041	563.230.079.117	10.866.022.469	1.159.583.891	1.979.825.279.028

Trong đó:

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	344.506.999.327	545.446.610.959	191.111.497.946	10.507.547.511	807.143.612	1.092.379.799.355
Khấu hao trong năm	29.686.959.972	88.862.312.933	61.814.730.489	86.340.984	231.171.898	180.481.516.276
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	-	-	-	(58.760.013)	(58.760.013)
Số cuối năm	374.193.959.299	634.108.923.892	252.926.228.435	10.593.888.495	979.555.497	1.272.802.555.618

Giá trị còn lại

Số đầu năm	71.501.715.183	439.863.748.082	359.537.377.588	169.474.958	442.840.279	871.515.156.090
Số cuối năm	41.814.755.211	354.451.955.149	310.303.850.682	272.133.974	180.028.394	707.022.723.410

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 800.476.799.270VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.762.216.362	(486.552.123)	1.275.664.239
Khấu hao trong năm	-	(352.443.276)	(352.443.276)
Số cuối năm	1.762.216.362	(838.995.399)	923.220.963
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm chương trình máy tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	448.600.000	(425.266.657)	23.333.343
Khấu hao trong năm	-	(23.333.343)	(23.333.343)
Số cuối năm	448.600.000	(448.600.000)	-
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	448.600.000	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	4.642.983.158	-	-	-	4.642.983.158
<i>Dự án 52 – 58 Trần Phú Nha Trang</i>	<i>542.740.734</i>	-	-	-	<i>542.740.734</i>
<i>Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng</i>	<i>3.013.636.364</i>	-	-	-	<i>3.013.636.364</i>
<i>Dự án khác</i>	<i>1.086.606.060</i>	-	-	-	<i>1.086.606.060</i>
Cộng	4.642.983.158	-	-	-	4.642.983.158



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán****13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	10.562.247.502	27.294.861.431
Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc	-	1.201.901.733
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	391.140.640	10.090.819.979
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	6.056.444.000	3.739.279.100
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	3.861.000.000	5.661.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	2.712.351.400
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	720.280.320
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	253.662.862	3.169.228.899
Phải trả các nhà cung cấp khác	73.245.154.407	142.783.874.749
Công ty TNHH Xăng dầu Long Sơn	-	9.980.930.001
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	6.347.766.875	22.101.491.520
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	-	3.980.581.086
Rosemary Overseas Ltd	-	-
Các nhà cung cấp khác	66.897.387.532	106.720.872.142
Cộng	83.807.401.909	170.078.736.180

13b. Phải trả người bán dài hạn

Là khoản ký quỹ của khách hàng.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	2.389.036.500	10.260.923.000
Aussie Offshore Services Limited	-	7.658.475.000
Total Management Services pte. ltd.,	2.315.500.000	2.314.396.000
Các khách hàng khác	73.536.500	288.052.000
Cộng	2.389.036.500	10.260.923.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.383.231.740	41.084.755.018	(44.402.861.536)	1.065.125.222
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.666.965.924	13.239.000.000	(5.666.965.924)	13.239.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	746.046.748	9.129.201.341	(9.423.852.863)	451.395.226
Các loại thuế khác	322.006.079	1.567.658.351	(1.403.507.671)	486.156.759
Cộng	11.118.250.491	65.020.614.710	(60.897.187994)	15.241.677.207

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí nhiên liệu phải trả	15.861.399.552	270.127.273
Chi phí thuê tàu phải trả	33.564.475.813	8.209.251.740
Chi phí lãi vay	20.735.764.927	28.306.287.382
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	31.273.255.952	11.578.693.650
Cộng	101.434.896.244	48.364.360.045

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu cho Total Management Services Pvt. Ltd về neo đậu xà lan đã thực hiện trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Phải trả khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	74.617.412
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	175.667.888	5.441.789
Cổ tức phải trả	21.503.160.000	30.490.985.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.952.773.126	1.720.248.716
Cộng	<u>24.631.601.014</u>	<u>32.291.292.917</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>23.700.000</i>	<i>23.700.000</i>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	23.700.000	23.700.000
Cộng	<u>23.700.000</u>	<u>23.700.000</u>

19. Vay và nợ thuê tài chính**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng</i>	<i>126.936.301.614</i>	<i>127.433.721.142</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	30.631.735.400	40.360.713.566
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú ⁽ⁱⁱ⁾	36.025.417.685	54.939.328.362
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	60.279.148.529	32.133.679.214
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>70.050.400.000</i>	<i>78.137.959.303</i>
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	<i>258.630.420</i>	<i>395.196.072</i>
Cộng	<u>197.245.332.034</u>	<u>205.966.876.517</u>

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0088/1938/N-CTD ngày 24/8/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 50.000.000.000 VND, thời hạn vay đến 24/8/2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB với tổng trị giá 3.500.000.000 VND; thế chấp tài sản là 02 cầu khung bánh lốp RTG 6+1 hiệu Kalmar.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú theo Hợp đồng tín dụng số 54486.19.151.1131175.TD ngày 12/12/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức tiền vay 80.000.000.000 VND, thời hạn vay đến 31/10/2020. Khoản vay này được bảo đảm bằng Quyền khai thác tài sản là Công trình dự án Cảng Container hình thành trên khu đất cảng xăng dầu Cát Lái, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; Các TAN CANG 63, TAN CANG 66 và TC Royal; Khoản phải thu phát sinh từ Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 337-13/TCT-KHKD ngày 30/6/2013 và các PLHD/ BB thỏa thuận có liên quan.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12827294/HĐTD ngày 18/12/2019 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 40.000.000.000 VND, thời

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	265.000.000.000	126.381.340.498	169.103.796.352	580.546.512.760
Lợi nhuận trong năm	-	-	119.240.448.070	119.240.448.070
Chia cổ tức năm trước	-	-	(60.950.000.000)	(60.950.000.000)
Trích lập các quỹ năm trước	-	40.867.139.215	(66.068.541.731)	(18.390.212.647)
Số dư cuối năm trước	265.000.000.000	167.248.479.713	161.325.702.691	620.446.748.183
Số dư đầu năm nay	265.000.000.000	167.248.479.713	161.325.702.691	620.446.748.183
Lợi nhuận trong năm	-	-	124.034.659.465	124.034.659.465
Chia cổ tức năm nay	-	-	(60.950.000.000)	(60.950.000.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2018	-	35.772.134.421	(51.869.594.912)	(16.097.460.491)
Số dư cuối năm nay	265.000.000.000	203.020.614.134	172.540.767.244	667.433.947.157

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	93.492.000.000	93.492.000.000
Các cổ đông khác	171.508.000.000	171.508.000.000
Cộng	265.000.000.000	265.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.500.000	26.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019
Doanh thu cho thuê tài sản và dịch vụ	196.027.632.625	264.955.338.184
Cộng	196.027.632.625	264.955.338.184

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động cho thuê tài sản và dịch vụ	147.162.577.711	208.266.882.395
Cộng	147.162.577.711	208.266.882.395
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Doanh thu hoạt động tài chính	16.974.672.342	14.492.880.810
Cộng	16.974.672.342	14.492.880.810
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	13.445.574.433	19.593.842.410
Chi phí tài chính khác	157.685.194	607.683.021
Cộng	13.603.259.627	20.201.525.431
5. Chi phí bán hàng		
Là chi phí hoa hồng		
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.523.423.422	4.280.184.983
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	652.343.211	721.341.331
Chi phí đồ dùng văn phòng	742.341.341	852.321.432
Chi phí khấu hao TSCĐ	430.548.044	465.696.753
Thuế, phí và lệ phí	26.806.072	28.364.630
Dự phòng phải thu khó đòi	11.320.827.696	3.209.278.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.423.421.311	5.523.422.315
Chi phí bằng tiền khác	2.083.455.467	4.634.131.411
Cộng	22.203.166.564	19.714.741.499

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Giám đốc


GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc